



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số** 0100283802

ngày 21 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100283802 ngày 21 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát tham gia điều hành Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Trọng Thông	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Tô	Thành viên
	Ông Đào Hữu Khanh	Thành viên
	Ông Lê Thanh Hiền	Thành viên
	Ông Nguyễn Trọng Minh	Thành viên
	Ông Chế Đình Tương	Thành viên (từ ngày 23/4/2016)
	Ông Phan Quang Bình	Thành viên (đến ngày 23/4/2016)
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Trọng Thông	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đình Tương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đào Hữu Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20/6/2016)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đỗ Văn Bình	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Ông Phạm Hùng Sơn	Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>	<b>Trụ sở chính</b> Số 8 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình Hà Nội, Việt Nam	
	<b>Chi nhánh Miền Nam</b> Số 60 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
	<b>Chi nhánh Khách sạn IBIS Hà Đô</b> Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Trọng Thông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2016





**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 8 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua lại 504.000 cổ phần của Công ty CP Za Hưng từ một cổ đông, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Za Hưng từ 37% lên 51,5 % và Công ty CP Za Hưng trở thành công ty con của Công ty. Công ty đã thực hiện hợp nhất kinh doanh và phản ánh lên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết quả của giao dịch hợp nhất này dựa trên giá trị ghi sổ của khoản đầu tư ban đầu của Công ty tại Công ty CP Za Hưng và giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của Công ty CP Za Hưng tại ngày kiểm soát công ty này thay vì sử dụng giá trị hợp lý của các khoản mục nói trên theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh và Thông tư số 202/2014/TT-BTC - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do Công ty chưa hoàn thiện việc xác định giá trị hợp lý của các khoản mục đã nêu, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu như việc hợp nhất kinh doanh được thực hiện đúng theo các quy định nêu trên.



## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-199-HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0306-2013-007-1

*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2016

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>3.260.649.303.197</b>	<b>2.240.348.573.447</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>434.984.332.384</b>	<b>695.367.012.660</b>
Tiền	111		223.463.570.053	385.170.319.503
Các khoản tương đương tiền	112		211.520.762.331	310.196.693.157
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>21.740.376.637</b>	<b>61.193.299.064</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	10(a)	3.422.062.749	3.422.062.749
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(b)	18.318.313.888	57.771.236.315
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>661.608.008.014</b>	<b>461.737.347.654</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	220.817.647.667	318.577.599.215
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	311.180.697.898	46.936.337.504
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	138.852.101.729	105.039.354.415
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(9.268.765.680)	(8.842.269.880)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		26.326.400	26.326.400
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>16</b>	<b>2.087.590.092.035</b>	<b>985.022.727.787</b>
Hàng tồn kho	141		2.087.590.092.035	985.149.276.606
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(126.548.819)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>54.726.494.127</b>	<b>37.028.186.282</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.574.804.520	774.307.552
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.767.130.068	30.741.029.155
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	25(a)	5.085.892.577	5.014.766.213
Tài sản ngắn hạn khác	155		298.666.962	498.083.362

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.969.388.640.073</b>	<b>814.632.132.986</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>117.007.500.000</b>	<b>117.000.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	14	117.000.000.000	117.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		7.500.000	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.081.683.216.206</b>	<b>117.095.554.264</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	1.006.046.419.957	41.435.354.265
<i>Nguyên giá</i>	222		1.383.094.394.035	157.833.953.820
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(377.047.974.078)	(116.398.599.555)
Tài sản cố định vô hình	227	18	75.636.796.249	75.660.199.999
<i>Nguyên giá</i>	228		75.714.230.000	75.714.230.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(77.433.751)	(54.030.001)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>19</b>	<b>191.283.259.126</b>	<b>204.909.627.123</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		236.389.751.057	245.453.171.738
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(45.106.491.931)	(40.543.544.615)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>20</b>	<b>521.187.594.690</b>	<b>166.502.700.155</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		521.187.594.690	166.502.700.155
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>12.412.619.905</b>	<b>202.933.343.599</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(c)	412.619.905	190.933.343.599
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>45.814.450.146</b>	<b>6.190.907.845</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		8.597.587.665	2.275.022.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	8.614.078.540	3.895.812.410
Tài sản dài hạn khác	268		20.072.727	20.072.727
Lợi thế thương mại	269	22	28.582.711.214	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>5.230.037.943.270</b>	<b>3.054.980.706.433</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.700.168.959.088</b>	<b>1.748.247.685.550</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.159.341.683.418</b>	<b>1.066.035.725.627</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	183.461.170.236	293.247.052.329
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	680.768.770.562	367.312.511.994
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25(b)	8.292.968.589	17.786.872.461
Phải trả người lao động	314		16.476.578.319	30.818.970.532
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26	206.719.564.895	174.633.946.443
Phải trả ngắn hạn khác	319	27	81.816.007.334	52.687.670.287
Vay ngắn hạn	320	28(a)	977.396.376.866	126.304.798.969
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		426.484.428	846.886.819
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.983.762.189	2.397.015.793
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.540.827.275.670</b>	<b>682.211.959.923</b>
Phải trả dài hạn khác	337		106.310.496	106.310.496
Vay dài hạn	338	28(b)	1.533.681.407.207	674.955.821.621
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.801.557.967	3.911.827.806
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.238.000.000	3.238.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.529.868.984.182</b>	<b>1.306.733.020.883</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>1.529.868.984.182</b>	<b>1.306.733.020.883</b>
Vốn cổ phần	411	30	690.634.240.000	684.118.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	30	690.634.240.000	684.118.840.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(33.000.000)	-
Cổ phiếu quỹ	415	30	(238.560.000)	(8.560.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	29	6.421.181.991	6.010.395.862
Quỹ đầu tư phát triển	418	31	30.395.502.118	26.846.146.872
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	29	243.143.444.636	262.447.312.267
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		256.590.596.022	138.988.547.716
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.447.151.386)	123.458.764.551
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29	559.546.175.437	327.318.885.882
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>5.230.037.943.270</b>	<b>3.054.980.706.433</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Vũ Thị Dung  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phạm Hồng Hiếu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	372.821.371.452	246.289.994.684
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	273.457.404	2.278.950.181
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	33	372.547.914.048	244.011.044.503
Giá vốn hàng bán	11	34	283.539.024.566	205.906.140.381
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		89.008.889.482	38.104.904.122
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	7.291.229.324	5.539.034.258
Chi phí tài chính	22	36	54.534.827.355	2.384.664.147
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.882.406.950	2.383.875.891
Phần lãi trong công ty liên kết	24		7.661.948.351	19.545.658.821
Chi phí bán hàng	25		3.621.337.508	639.297.775
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	39.139.084.141	36.231.635.415
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		6.666.818.153	23.933.999.864
Thu nhập khác	31		457.794.308	1.172.593.505
Chi phí khác	32		744.623.370	699.974.169
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(286.829.062)	472.619.336
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.379.989.091	24.406.619.200
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	5.085.487.634	3.824.426.510
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	39	(4.718.266.130)	(247.083.005)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.012.767.587	20.829.275.695

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(4.331.527.432)	17.664.241.822
Cổ đông không kiểm soát	62		10.344.295.019	3.165.033.873
<hr/>				
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	(63)	271
<hr/>				

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:  


Vũ Thị Dung  
 Kế toán viên

Người duyệt:  




Phạm Hồng Hiếu  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thông  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
(Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.379.989.091</b>	<b>24.406.619.200</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	38.816.012.924	15.755.176.349
Các khoản dự phòng	03	(120.455.410)	314.374.090
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.950.135.371)	(24.791.187.965)
Chi phí lãi vay	06	53.882.406.950	2.383.875.891
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>84.007.818.184</b>	<b>18.068.857.565</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(91.638.116.489)	63.636.929.072
Biến động hàng tồn kho	10	(1.044.239.143.746)	(281.079.434.621)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	152.539.765.027	135.502.055.213
Biến động chi phí trả trước	12	(2.613.178.495)	889.176.547
		<b>(901.942.855.519)</b>	<b>(62.982.416.224)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.904.376.149)	(390.016.945)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.929.294.027)	(39.857.784.336)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.746.383.522)	(7.837.076.073)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(935.522.909.217)</b>	<b>(111.067.293.578)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(223.238.037.220)	(48.382.409.166)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	145.454.545	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(23.382.277.791)	(162.455.513.408)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	62.835.200.218	96.327.087.488
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(78.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	20.792.147.324	18.480.435.256
Mua thêm cổ phần của công ty con từ cổ đông thiểu số của công ty con này		(42.900.000.000)	-
Ảnh hưởng thuần của hợp nhất công ty con mới trong năm		(48.638.636.254)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(254.386.149.178)</b>	<b>(96.108.399.830)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền nhận góp vốn và phát hành cổ phiếu	31	23.910.700.000	135.125.000.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(230.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	2.019.377.960.109	184.139.621.931
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.104.141.803.119)	(126.464.865.615)
Tiền trả cổ tức	36	(9.801.265.000)	(13.583.528.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>929.115.591.990</b>	<b>179.216.228.016</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(260.793.466.405)</b>	<b>(27.959.465.392)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>695.367.012.660</b>	<b>348.073.109.778</b>
<b>Ảnh hưởng của quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>410.786.129</b>	<b>1.511.599.856</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 9)</b>	<b>70</b>	<b>434.984.332.384</b>	<b>321.625.244.242</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Vũ Thị Dung  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phạm Hồng Hiếu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tập đoàn, các hoạt động được cấp phép của Tập đoàn là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; đầu tư và phát triển hạ tầng và kinh doanh nhà;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Giáo dục mầm non; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; đào tạo cao đẳng; đào tạo đại học và sau đại học; giáo dục nghề nghiệp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Thi công, lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Quảng cáo;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, viễn thông;
- Sản xuất hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Mua bán hệ thống phòng cháy chữa cháy, camera quan sát, chống đột nhập, chống sét;
- Xuất nhập khẩu trang thiết bị, công nghệ, vật tư phục vụ sản xuất và nghiên cứu khoa học công nghệ;

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nông nghiệp (kho, lán, trạm, trại);
- Thiết kế thông gió, cấp nhiệt đối với công trình xây dựng;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước và môi trường nước;
- Thiết kế cấp điện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình văn hóa và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn xây dựng, khảo sát xây dựng, lập dự án và quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị cơ khí, điều khiển tự động, điện lạnh, điện kỹ thuật, điện dân dụng, thủy khí, thang máy, máy xây dựng, thiết bị nâng hạ;
- Thiết kế, chế tạo máy và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư và cung cấp chuyển giao công nghệ cùng các dịch vụ khoa học kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 35kv;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Kinh doanh máy móc thiết bị;
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái; và
- Dịch vụ trông giữ phương tiện.

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, các hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh bất động sản, đầu tư và phát triển hạ tầng, kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản và xây dựng các công trình dân dụng.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có 11 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 10 công ty con và 2 công ty liên kết) chi tiết như sau:

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại ngày	
		30/6/2016	1/1/2016
<b>Công ty con</b>			
1 Công ty CP Hà Đô 1	Hà Nội	51%	51%
2 Công ty CP Hà Đô 23	Hà Nội	60%	60%
3 Công ty CP Hà Đô 4	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
4 Công ty CP Đầu tư Khánh Hà (i)	TP. Nha Trang	65%	30%
5 Công ty CP Hà Đô - 756 Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	74%	65%
6 Công ty CP Cơ điện Xây dựng - Thiết bị Công nghiệp Hà Đô	Hà Nội	51%	51%
7 Công ty CP Tư vấn Hà Đô	Hà Nội	51%	51%
8 Công ty CP Za Hưng (ii)	Hà Nội	51,5%	37%
9 Công ty TNHH MTV Đầu tư Quốc tế Hà Đô (iii)	Viên Chăn, Lào	100%	100%
10 Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Môi giới Bất động sản Hà Đô	Hà Nội	100%	100%
11 Công ty TNHH MTV Quản lý - Vận hành - Khai thác Bất động sản Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
1 Công ty CP Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	29%	29%

- (i) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà (“Công ty Khánh Hà”), số vốn điều lệ mà Công ty được góp là 60% trong tổng số vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mới đóng góp tương ứng là 30% số vốn điều lệ trong Công ty Khánh Hà nhưng Công ty đã bổ nhiệm nhân sự của mình đảm nhận các vị trí điều hành chủ chốt tại công ty này và do đó đã nắm quyền kiểm soát các hoạt động của Công ty Khánh Hà. Do đó, Công ty Khánh Hà được coi là công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2016.
- (ii) Trong kỳ Công ty đã hoàn tất thủ tục mua lại 504.000 cổ phần của Công ty CP Za Hưng từ một cổ đông, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Za Hưng từ 37% lên 51,5 %. Công ty CP Za Hưng trở thành công ty con của Công ty (Thuyết minh 8).
- (iii) Công ty ty TNHH MTV Đầu tư Quốc tế Hà Đô được thành lập tại Lào. Các công ty con và công ty liên kết còn lại của Tập đoàn được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có tổng cộng 1.608 nhân viên (1/1/2016: 1.840 nhân viên).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(v) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, bất động sản đang xây dựng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng, giá gốc bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất, các chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, các chi phí quản lý xây dựng chung được phân bổ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 - 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 10 năm
▪ tài sản khác	2 - 10 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được trích cho quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất và nhà cửa 5 - 20 năm

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

**(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới bất động sản đã bán ra và công trình xây dựng đã bàn giao trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản hoặc tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tài sản bị trả lại.

**(ii) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Doanh thu từ hoạt động cho thuê**

Doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 7. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng;
- Thủy điện; và
- Hoạt động khác.

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Thủy điện VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	51.070.763.547	203.531.055.944	71.655.996.137	46.290.098.420	-	372.547.914.048
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	164.265.203.943	-	14.210.507.582	(178.475.711.525)	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	51.070.763.547	367.796.259.887	71.655.996.137	60.500.606.002	(178.475.711.525)	372.547.914.048
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(791.280.017)	11.585.830.495	30.639.121.735	18.476.866.381	(60.905.668.792)	(995.130.198)
Thu nhập khác						457.794.308
Chi phí khác						(744.623.370)
Phần chia lãi của công ty liên kết						7.661.948.351
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.085.487.634)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						4.718.266.130
Lợi nhuận thuần sau thuế						6.012.767.587



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30/6/2016	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Thủy điện VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.841.111.061.688 1.800.000.000	625.642.979.912 -	1.385.892.782.665 -	717.854.797.736 -	(1.340.876.298.636) (1.387.380.095)	5.229.625.323.365 412.619.905
Tổng tài sản	3.842.911.061.688	625.642.979.912	1.385.892.782.665	717.854.797.736	(1.342.263.678.731)	5.230.037.943.270
Nợ phải trả của bộ phận	2.747.761.066.279	443.243.776.773	812.103.151.376	6.017.124.604	(308.956.159.944)	3.700.168.959.088
Tổng nợ phải trả	2.747.761.066.279	443.243.776.773	812.103.151.376	6.017.124.604	(308.956.159.944)	3.700.168.959.088
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>Kinh doanh bất động sản VND</b>	<b>Xây dựng VND</b>	<b>Thủy điện VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Chi tiêu vốn	8.866.219.491	1.878.346.591	79.525.739.586	131.201.268.509	(9.232.624.712)	212.238.949.465
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	(695.658.309)	(6.043.783.671)	(25.083.766.819)	(175.970.673)	-	(31.999.179.472)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(23.403.750)	-	-	-	-	(23.403.750)
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	-	(6.060.539.671)	-	(6.060.539.671)



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	23.180.539.929	209.903.912.674	10.926.591.900	-	244.011.044.503
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	7.195.888.785	92.620.648.000	8.751.111.641	(108.567.648.426)	-
<b>Tổng doanh thu thuần của bộ phận</b>	<b>30.376.428.714</b>	<b>302.524.560.674</b>	<b>19.677.703.541</b>	<b>(108.567.648.426)</b>	<b>244.011.044.503</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>23.954.198.178</b>	<b>12.012.741.206</b>	<b>702.421.756</b>	<b>(32.281.020.097)</b>	<b>4.388.341.043</b>
Thu nhập khác					1.172.593.505
Chi phí khác					(699.974.169)
Phần chia lãi của công ty liên kết					19.545.658.821
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.824.426.510)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					247.083.005
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>20.829.275.695</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30/6/2015	Kinh doanh bất động sản VND	Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Khoản đầu tư vào công ty liên kết	2.692.247.836.279 -	591.017.432.564 -	12.872.612.736 182.559.587.462	(889.750.763.033) -	2.406.387.118.546 182.559.587.462
Tổng tài sản	2.692.247.836.279	591.017.432.564	195.432.200.198	(889.750.763.033)	2.588.946.706.008
Nợ phải trả của bộ phận	1.317.215.342.744	423.568.328.143	8.072.795.541	(347.094.298.416)	1.401.762.168.012
Tổng nợ phải trả	1.317.215.342.744	423.568.328.143	8.072.795.541	(347.094.298.416)	1.401.762.168.012
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>Kinh doanh bất động sản VND</b>	<b>Xây dựng VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Chi tiêu vốn	258.276.592	6.034.598.181	42.271.352.575	(181.818.182)	48.382.409.166
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	(1.384.662.642)	(7.560.770.594)	(84.332.606)	-	(9.029.765.842)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(768.500.001)	-	-	-	(768.500.001)
Khấu hao bất động sản đầu tư	(5.956.910.506)	-	-	-	(5.956.910.506)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Hợp nhất kinh doanh**

Trong kỳ Công ty đã hoàn tất thủ tục mua lại 504.000 cổ phần của Công ty CP Za Hưng từ một cổ đông, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Za Hưng từ 37% lên 51,5 %. Công ty CP Za Hưng trở thành công ty con của Công ty.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND</b>	<b>Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.121.363.746	-	47.121.363.746
Các khoản phải thu - ngắn hạn	100.663.131.948	-	100.663.131.948
Hàng tồn kho	1.402.446.290	-	1.402.446.290
Tài sản ngắn hạn khác	2.598.665.566	-	2.598.665.566
Các khoản phải thu - dài hạn	2.500.000	-	2.500.000
Tài sản cố định	993.428.359.565	-	993.428.359.565
Xây dựng cơ bản dở dang	168.877.529.132	-	168.877.529.132
Tài sản dài hạn khác	4.509.883.430	-	4.509.883.430
Nợ phải trả ngắn hạn	(94.997.894.941)	-	(94.997.894.941)
Vay và nợ dài hạn	(724.096.854.493)	-	(724.096.854.493)
<b>Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được</b>	<b>499.509.130.243</b>	<b>-</b>	<b>499.509.130.243</b>
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn tại ngày nắm quyền kiểm soát			251.126.140.800
Giá phí khoản đầu tư vào công ty con			280.441.742.045
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			29.315.601.245
Khoản thanh toán cho việc mua thêm cổ phần chuyển công ty liên kết thành công ty con trong kỳ			95.760.000.000
Khoản tiền thu được			(47.121.363.746)
<b>Khoản tiền thanh toán thuần</b>			<b>48.638.636.254</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	40.827.423.643	18.551.859.693
Tiền gửi ngân hàng	182.636.146.410	366.618.459.810
Các khoản tương đương tiền	211.520.762.331	310.196.693.157
	434.984.332.384	695.367.012.660

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 1.100 triệu VND (1/1/2016: không có) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28(b)).

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng cổ phiếu	<b>30/6/2016</b>	
		<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	290.343	2.977.135.749	4.326.110.700
Cổ phiếu của Công ty CP LICOGI 12	75.750	444.927.000	537.825.000
		3.422.062.749	4.863.935.700
		3.422.062.749	4.863.935.700
		<b>1/1/2016</b>	
		<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	289.616	2.977.135.749	4.228.437.400
Cổ phiếu của Công ty CP LICOGI 12	75.750	444.927.000	696.900.000
		3.422.062.749	4.925.337.400
		3.422.062.749	4.925.337.400

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	18.318.313.888	(*)	57.771.236.315	(*)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản tiền gửi ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 10.000 triệu VND (1/1/2016: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 28(b)).

**(c) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2016	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty CP Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	29%	412.619.905 (*)
<hr/>			
Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty CP Za Hưng (**)	Hà Nội	37%	190.520.723.694 (*)
Công ty CP Thương mại Hà Đô	TP. Hồ Chí Minh	29%	412.619.905 (*)
			<hr/>
		190.933.343.599	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua lại 504.000 cổ phần từ một cổ đông và mua thêm 278.114 cổ phần do Công ty CP Za Hưng phát hành, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Za Hưng từ 37% lên 51,5 %. Công ty CP Za Hưng trở thành công ty con của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động vốn đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND</b>
Số dư đầu kỳ	190.933.343.599	176.514.858.641
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết trong kỳ	7.661.948.351	27.919.414.958
Cổ tức công bố trong kỳ	(13.500.930.000)	(13.500.930.000)
Giảm do một công ty liên kết chuyển thành công ty công ty con	(184.681.742.045)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>412.619.905</b>	<b>190.933.343.599</b>

## **11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

### **(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ban quản lý các dự án Đầu tư Xây dựng Phát triển Huyện Phú Quốc	6.165.393.960	26.116.509.416
UBND Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang	7.931.684.697	18.493.536.495
Ban Chỉ huy Quân sự Tỉnh Quảng Nam	2.532.676.000	17.829.820.000
Các khách hàng mua nhà chung cư dự án Nguyễn Văn Công - Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	16.910.250.496	17.590.884.496
Công ty CP Đầu tư Xây dựng ECO	15.193.312.240	15.193.312.240
Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm	9.340.568.753	2.735.552.209
Các khách hàng mua nhà 751B - TP. Hồ Chí Minh	9.397.939.011	9.397.939.011
Ban Quản lý Dự án 98/ BQP	8.407.295.000	8.407.295.000
Sở Nội vụ Tỉnh Trà Vinh	7.281.237.980	-
Ban Quản lý Dự án thủy điện 7	3.472.135.629	5.289.902.552
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan	-	552.977.182
Các khách hàng khác	134.185.153.901	196.969.870.614
	<b>220.817.647.667</b>	<b>318.577.599.215</b>

### **(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan**

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Phải thu từ các công ty liên kết	-	552.977.182

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Phát triển đô thị Từ Liêm	120.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV 756	21.151.228.000	-
Andritz Hydro Private Limited	36.159.097.532	-
Công ty CP Sông Đà 505	27.820.843.586	-
Khác	106.049.528.780	46.936.337.504
	311.180.697.898	46.936.337.504
	311.180.697.898	46.936.337.504

**13. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho nhân viên và các tổ đội xây dựng (*)	129.613.221.781	97.855.681.066
Ký cược, ký quỹ	1.489.773.721	1.239.982.719
Phải thu khác	7.749.106.227	5.943.690.630
	138.852.101.729	105.039.354.415
	138.852.101.729	105.039.354.415

(\*) Các khoản tạm ứng cho nhân viên và các tổ đội xây dựng nhằm mục đích thực hiện các dự án xây dựng và bất động sản.

**14. Phải thu về cho vay dài hạn**

Phải thu về cho vay dài hạn thể hiện khoản vay cấp cho Công ty TNHH MTV 756 để công ty này góp vốn điều lệ vào Công ty CP Hà Đô - 756 Sài Gòn, một công ty con của Công ty. Khoản cho vay này không tính lãi và được đảm bảo bằng tất cả các quyền bao gồm: quyền sở hữu và lợi ích của Công ty TNHH MTV 756 tại Công ty CP Hà Đô 756 - Sài Gòn và toàn bộ các quyền lợi phát sinh từ phần vốn góp.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	30/6/2016			1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Nợ quá hạn</b>							
Bà Nguyễn Thị Lan	Trên 3 năm	3.415.000.000	3.415.000.000	-	Trên 3 năm	3.415.000.000	3.415.000.000
Bà Nguyễn Thị Hòa	Trên 3 năm	450.000.000	450.000.000	-	Trên 3 năm	450.000.000	450.000.000
Xí nghiệp 3 (trước cổ phần hóa)	Trên 3 năm	314.374.090	314.374.090	-	Trên 3 năm	314.374.090	314.374.090
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thiên Trường	Trên 3 năm	1.734.355.790	1.734.355.790	-	Trên 3 năm	1.734.355.790	1.734.355.790
Công ty CP Đầu tư Xây dựng An Dương	Trên 1 năm	4.157.306.000	2.928.540.000	1.228.766.000	Trên 1 năm	4.157.306.000	2.928.540.000
Công ty CP Gạch nhẹ Phúc Sơn	Trên 1 năm	426.495.800	426.495.800	-		-	-
		<b>10.497.531.680</b>	<b>9.268.765.680</b>	<b>1.228.766.000</b>		<b>10.071.035.880</b>	<b>8.842.269.880</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	9.268.765.680
--------------------------------------	---------------

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Hàng tồn kho**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.400.028.950	-	1.400.028.950	-
Công cụ và dụng cụ	1.402.446.290	-	-	-
Bất động sản đang xây dựng	1.824.713.276.656	-	295.645.459.261	-
Các công trình xây dựng dở dang	233.805.878.827	-	670.330.270.637	(126.548.819)
Bất động sản đã hoàn thành	26.268.461.312	-	17.773.517.758	-
	<b>2.087.590.092.035</b>	<b>-</b>	<b>985.149.276.606</b>	<b>(126.548.819)</b>

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng chi phí đi vay được vốn hóa trong bất động sản đang xây dựng tương đương 26.125 triệu VND (năm kết thúc ngày 31/12/2015: 1.647 triệu VND).

Chi tiết các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản và xây dựng dở dang như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án Trung tâm Phúc hợp Hà Đô - 756 Sài Gòn	1.402.109.059.650	345.779.093.743
Dự án khu đô thị mới An Khánh - An Thượng	130.001.627.758	132.751.837.323
Dự án khu đô thị mới Noong Tha, Viêng Chăn, Lào	127.216.344.117	118.885.084.299
Dự án nhà ở Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	74.130.900.763	68.363.712.907
Dự án nhà N10 khu đô thị mới Dịch Vọng	33.354.934.817	35.293.136.169
Dự án chung cư CC1 Dịch Vọng, Hà Nội	33.033.381.384	23.029.488.527
Dự án nhà ở Quận 2, TP Hồ Chí Minh	24.942.366.335	17.773.517.758
Dự án cải tạo xây thô các lô nhà tại dự án Trung Hòa 2	19.023.097.852	16.453.426.526
Dự án chung cư CC3 Dịch Vọng, Hà Nội	11.608.379.867	11.507.599.867
Dự án Trung tâm Hội nghị thuộc Trung tâm Chính trị - Hành chính Tỉnh Trà Vinh	11.126.544.801	10.801.553.239
Dự án Công trình chính và phụ trợ BIDV Phủ Diễn	9.513.868.192	709.692.578
Dự án Ngân hàng Phát triển Hưng Yên	9.231.842.254	8.853.666.140
Các dự án khác	199.495.269.005	193.547.438.580
	<b>2.084.787.616.795</b>	<b>983.749.247.656</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Dự án Trung tâm Phúc hợp Hà Đô - 756 Sài Gòn có giá trị ghi sổ là 1.402 tỷ VND, diện tích đất xây dựng nhà thấp tầng An Khánh - An Thượng với tổng diện tích 20.463,3 m<sup>2</sup> gồm 51 lô biệt thự; diện tích đất xây dựng nhà chung cư An Khánh - An Thượng với tổng diện tích 39.421,2 m<sup>2</sup>; và tài sản trên đất gồm CT1, CT2, CT3, CT4, CT5, CT6, CT7, CT8, CT9, CT10 thuộc dự án An Khánh - An Thượng được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28(a) và 28(b)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	14.002.198.002	102.068.844.636	19.000.207.241	11.835.088.171	10.927.615.770	157.833.953.820
Tăng trong kỳ	-	609.735.189	-	1.566.691.402	-	2.176.426.591
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.147.157.471	-	-	-	1.147.157.471
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	702.423.515.454	425.171.507.337	92.540.153.356	1.976.711.802	-	1.222.111.887.949
Thanh lý	-	-	(181.818.182)	-	-	(181.818.182)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	-	-	-	6.786.386	-	6.786.386
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>716.425.713.456</b>	<b>528.997.244.633</b>	<b>111.358.542.415</b>	<b>15.385.277.761</b>	<b>10.927.615.770</b>	<b>1.383.094.394.035</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	11.038.331.908	71.633.048.844	14.951.885.427	8.123.284.717	10.652.048.659	116.398.599.555
Khấu hao trong kỳ	12.867.987.450	15.984.521.621	2.506.091.799	565.942.443	74.636.159	31.999.179.472
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	88.294.901.218	122.952.139.091	16.529.522.008	906.966.067	-	228.683.528.384
Thanh lý	-	-	(33.333.333)	-	-	(33.333.333)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>112.201.220.576</b>	<b>210.569.709.556</b>	<b>33.954.165.901</b>	<b>9.596.193.227</b>	<b>10.726.684.818</b>	<b>377.047.974.078</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	2.963.866.094	30.435.795.792	4.048.321.814	3.711.803.454	275.567.111	41.435.354.265
Số dư cuối kỳ	604.224.492.880	318.427.535.077	77.404.376.514	5.789.084.534	200.930.952	1.006.046.419.957

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 49,054 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 39,918 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 980,292 triệu VND (1/1/2016: 10,431 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất (*) VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	75.500.000.000	214.230.000	75.714.230.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	54.030.001	54.030.001
Khấu hao trong kỳ	-	23.403.750	23.403.750
Số dư cuối kỳ	-	77.433.751	77.433.751
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	75.500.000.000	160.199.999	75.660.199.999
Số dư cuối kỳ	75.500.000.000	136.796.249	75.636.796.249

(\*) Quyền sử dụng đất thể hiện phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị đánh giá lại quyền sử dụng đất của Khu du lịch Bảo Đại được các bên góp vốn thống nhất là tài sản góp vốn của Tổng Công ty Khánh Việt vào Công ty CP Đầu tư Khánh Hà để thực hiện dự án Khu du lịch Bảo Đại thuộc đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước Tổng Công ty Khánh Việt giai đoạn 2013 - 2015. Giá trị này đã được Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa xác định theo Công văn số 378/STC - VG ngày 25 tháng 2 năm 2009 và được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Công văn số 936/UBND ngày 3 tháng 3 năm 2009. Theo công văn hướng dẫn của Tổng Cục thuế trả lời Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa ngày 8 tháng 4 năm 2015 liên quan đến việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất của Tổng Công ty Khánh Việt mang đi góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hà, quyền sử dụng đất này không thuộc diện phải trích khấu hao hàng năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất và nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	245.453.171.738
Thanh lý trong kỳ	(9.063.420.681)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	236.389.751.057
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	40.543.544.615
Khấu hao trong kỳ	6.060.539.671
Thanh lý trong kỳ	(1.497.592.355)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	45.106.491.931
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	204.909.627.123
Số dư cuối kỳ	191.283.259.126
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn tại thời điểm cuối kỳ/năm bao gồm các tài sản có nguyên giá như sau:

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Tòa nhà Miền Nam - Công trình 60A Trường Sơn	127.853.444.183	127.853.444.183
Khu biệt thự Sur Vạn Hạnh	82.509.880.524	91.573.301.205
Tầng 1 tại các khu chung cư	22.890.633.623	22.890.633.623
Sân tennis	3.135.792.727	3.135.792.727
	<hr/>	<hr/>
	236.389.751.057	245.453.171.738
	<hr/>	<hr/>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, diện tích đất xây dựng Công trình 60A Trường Sơn với diện tích 1.179 m<sup>2</sup> tại khu đất 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh và tài sản trên đất gồm công trình tòa nhà 13 tầng thuộc dự án 60A Trường Sơn trên diện tích đất xây dựng 889 m<sup>2</sup> được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 28(b)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	166.502.700.155	50.402.902.778
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	168.877.529.132	-
Tăng trong kỳ/năm	210.062.522.874	116.099.797.377
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.147.157.471)	-
Thanh lý quyền sử dụng đất	(12.585.000.000)	-
Chuyển sang hàng tồn kho	(10.523.000.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>521.187.594.690</b>	<b>166.502.700.155</b>

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong xây dựng cơ bản dở dang là 11.301 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 939 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Dự án số 2 Hồng Hà, TP. Hồ Chí Minh	233.832.456.804	139.315.819.478
Dự án Thủy điện Nhận Hạc	245.482.326.432	-
Dự án khu du lịch Bảo Đại, Thành Phố Nha Trang	30.095.533.484	-
Trung tâm bán hàng Hà Đô 756	7.519.109.181	-
Dự án tại Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	-	23.108.000.000
Dự án 34 Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	1.991.392.914	1.991.392.914
Khu đô thị Dịch Vọng	819.203.928	819.203.928
Khác	1.447.571.947	1.268.283.835
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>521.187.594.690</b>	<b>166.502.700.155</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, toàn bộ quyền kinh doanh, quản lý khai thác đối với tài sản hình thành từ dự án Tổ hợp Dịch vụ Thương mại tại Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh và Dự án Thủy điện Nhận Hạc được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận chưa thực hiện trong hàng tồn kho	5.001.266.926	2.129.525.738
Lợi nhuận chưa thực hiện trong bất động sản đầu tư và xây dựng cơ bản dở dang	3.612.811.614	1.766.286.672
	8.614.078.540	3.895.812.410

**(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
Lỗ tính thuế	13.532.885.550	2.706.577.110	2.685.311.322	537.062.264

Các khoản lỗ tính thuế của Tập đoàn bao gồm lỗ tính thuế của Công ty TNHH MTV Đầu tư Quốc tế Hà Đô, Công ty CP Đầu tư Khánh Hà, Công ty CP Hà Đô - 756 Sài Gòn, và Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Môi giới Bất động sản Hà Đô.

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ VND</b>
2017	Chưa quyết toán	60.558.136
2018	Chưa quyết toán	884.736.514
2019	Chưa quyết toán	1.740.016.672
2021	Chưa quyết toán	10.847.574.228
		13.532.885.550

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Giá gốc</b>	
Tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ (Thuyết minh 8)	29.315.601.245
	<hr/>
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Phân bổ trong kỳ và số dư cuối kỳ	732.890.031
	<hr/>
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư cuối kỳ	28.582.711.214
	<hr/>

**23. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Minh Nhật Duy	3.977.588.727	11.821.757.000
Công ty CP Austdoor Miền Bắc	-	7.480.462.209
Công ty CP Đạt Phương	5.229.657.769	-
Công ty CP Điện máy R.E.E	4.450.781.800	-
Người bán khác	169.803.141.940	273.944.833.120
	<hr/>	<hr/>
	183.461.170.236	293.247.052.329
	<hr/>	<hr/>

**24. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	488.240.013.203	126.676.968.019
Khách hàng thương mại trả tiền trước	192.528.757.359	240.635.543.975
	<hr/>	<hr/>
	680.768.770.562	367.312.511.994
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.616.619.515	(1.811.403)	216.752.453	4.831.560.565
Thuế thu nhập cá nhân	1.885.237	(12.348.008)	12.769.220	2.306.449
Thuế khác	396.261.461	(148.966.571)	4.730.673	252.025.563
	5.014.766.213	(163.125.982)	234.252.346	5.085.892.577

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Tăng do công ty liên kết chuyên thành công ty con VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.631.366.460	3.377.536.173	44.049.393.694	(55.939.469.332)	3.118.826.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.671.884.527	-	5.911.385.511	(7.712.541.574)	3.870.728.464
Thuế thu nhập cá nhân	483.621.474	278.151.671	14.437.669.650	(14.514.508.175)	684.934.620
Thuế tài nguyên	-	539.554.553	1.969.453.819	(1.890.529.862)	618.478.510
Các loại thuế khác	-	-	159.409.697	(159.409.697)	-
	17.786.872.461	4.195.242.397	66.527.312.371	(80.216.458.640)	8.292.968.589

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lương và thưởng	1.120.000.000	-
Lãi vay phải trả	39.364.621.916	8.386.591.115
Chi phí xây dựng	165.015.781.032	165.541.824.531
Chi phí phải trả khác	1.219.161.947	705.530.797
	<hr/>	<hr/>
	206.719.564.895	174.633.946.443
	<hr/>	<hr/>

**27. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	681.602.916	726.611.370
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	194.570.371	280.246.298
Phí bảo trì các tòa nhà (*)	33.371.217.800	33.061.599.840
Chi phí dự án	10.553.975.491	9.857.523.752
Nhận đặt cọc ngắn hạn	20.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	17.014.640.756	8.761.689.027
	<hr/>	<hr/>
	81.816.007.334	52.687.670.287
	<hr/>	<hr/>

(\*) Phí bảo trì các tòa nhà là khoản phí 2% tính trên giá bán của các khu chung cư. Khoản phí này sẽ được bàn giao lại toàn bộ cho Ban quản lý tòa nhà do khu dân cư đó bầu ra.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Các khoản vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng do hợp nhất công ty con mới trong năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	124.077.998.969	124.077.998.969	-	1.837.874.986.016	(1.063.696.760.119)	898.256.224.866
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 28(b))	2.226.800.000	2.226.800.000	70.484.152.000	42.393.243.000	(35.964.043.000)	79.140.152.000
	126.304.798.969	126.304.798.969	70.484.152.000	1.880.268.229.016	(1.099.660.803.119)	977.396.376.866

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh 1	(i)	VND	7,8%	3.798.144.903	46.436.955.642
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	(ii)	VND	8%	7.616.035.555	-
Khoản vay Ngân hàng Dầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	(iii)	VND	9,3%	700.000.000.000	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	(iv)	VND	7,5% - 8%	110.993.856.450	-
Khoản vay Ngân hàng Dầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	(v)	VND	9,5%	4.930.384.876	-
Vay cá nhân	(vi)	VND	0% - 11%	70.917.803.082	77.641.043.327
				898.256.224.866	124.077.998.969



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty CP Hà Đô 4 có giá trị ghi sổ 6.535 triệu VND.
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng 24.161.728 Cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn Hà Đô do ông Nguyễn Trọng Thông sở hữu; 750.093 Cổ phiếu của Công ty CP Za Hưng do Công ty CP Tập đoàn Hà Đô sở hữu; 28.350.000 cổ phiếu của Công ty CP Hà Đô - 756 Sài Gòn do Công ty CP Tập đoàn Hà Đô sở hữu; và toàn bộ giá trị Dự án Trung tâm Phúc hợp Hà Đô - 756 Sài Gòn có giá trị ghi sổ là 1.402 tỷ VND (Thuyết minh 16).
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.104.000 cổ phiếu của Công ty CP Za Hưng; hợp đồng tiền gửi có giá trị ghi sổ là 10.000 triệu VND (Thuyết minh 10(b)); và quyền sử dụng đất 3 tòa chung cư CT2, CT3, CT4 tại Khu Đô thị An Khánh - An Thượng, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có giá trị ghi sổ là 1.100 triệu VND (Thuyết minh 9).
- (vi) Khoản vay cá nhân ngắn hạn không được đảm bảo, có kỳ hạn 12 tháng và chịu lãi suất từ 0% đến 11%/năm.

**(b) Vay dài hạn và trái phiếu phát hành**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	1.018.538.059.207	81.548.121.621
Trái phiếu thường (ii)	594.283.500.000	595.634.500.000
	1.612.821.559.207	677.182.621.621
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(79.140.152.000)	(2.226.800.000)
	1.533.681.407.207	674.955.821.621
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ngân hàng 1 (a)	VND	13%	2016	191.200.000	572.800.000
Ngân hàng 2 (b)	VND	10 - 11%	2017	3.674.190.600	4.501.190.600
Ngân hàng 3 (c)	VND	9%	2027	146.439.509.175	59.318.641.021
Ngân hàng 4 (d)	VND	9,5% - 10%	2019	131.300.000.000	-
Ngân hàng 5 (d)	VND	9,7% - 10%	2023	418.803.001.906	-
Ngân hàng 6 (d)	USD	6,5%	2023	53.244.159.824	-
Ngân hàng 7 (d)	VND	7% - 9,7%	2029	190.189.507.702	-
Vay cá nhân (e)	VND	9% - 13%	2017	74.696.490.000	17.155.490.000
				<b>1.018.538.059.207</b>	<b>81.548.121.621</b>

- (a) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 1.896 triệu VND (1/1/2016: 3.408 triệu VND) (Thuyết minh 17).
- (b) Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 6.501 triệu VND (1/1/2016: 7.023 triệu VND) (Thuyết minh 17).
- (c) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình với hạn mức tối đa là 350 tỷ VND dùng để thanh toán các chi phí đầu tư dự án “Tổ hợp Dịch vụ Thương mại tại Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh”. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu tiên. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ quyền kinh doanh, quản lý khai thác đối với tài sản hình thành từ dự án này (Thuyết minh 20).
- (d) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang (Dự án Thủy điện Nhận Hạc) có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 965.360 triệu VND và 245.482 triệu VND (1/1/2016: 988.698 triệu VND và 159.974 triệu VND) (Thuyết minh 17 và 20).
- (e) Khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và có kỳ hạn 2 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
Lô 1	VND	(*)	2020	200.000.000.000	200.000.000.000
Lô 2	VND	(*)	2020	400.000.000.000	400.000.000.000
				600.000.000.000	600.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu				(5.716.500.000)	(4.365.500.000)
				594.283.500.000	595.634.500.000

(\*) Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên (từ ngày thanh toán tiền mua Trái phiếu đến ngày 10 tháng 7 năm 2016) là 9,7%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tiếp theo của Trái phiếu được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình xác định tại ngày xác định lãi suất, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau kỳ hạn 12 tháng công bố tại bốn ngân hàng bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở giao dịch 1) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng (+) biên độ 3,2%/năm.

Trái phiếu được đảm bảo bởi:

- (a) Diện tích đất xây dựng nhà thấp tầng An Khánh - An Thượng với tổng diện tích 20.463,3 m2 gồm 51 lô biệt thự thuộc dự án An Khánh - An Thượng (Thuyết minh 16).
- (b) Diện tích đất xây dựng nhà chung cư An Khánh - An Thượng với tổng diện tích 39.421,2 m2 và tài sản trên đất gồm CT1, CT5, CT6, CT7, CT8, CT9, CT10 thuộc dự án An Khánh - An Thượng (Thuyết minh 16).
- (c) Diện tích đất xây dựng Công trình 60A Trường Sơn với diện tích 1.179 m2 tại khu đất 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh và tài sản trên đất gồm công trình tòa nhà 13 tầng thuộc dự án 60A Trường Sơn trên diện tích đất xây dựng 889 m2. (Thuyết minh 19).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015</b>	651.542.050.000	-	(6.210.000)	2.915.170.027	30.042.536.531	173.156.886.548	193.664.347.780	1.051.314.780.886
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	17.664.241.822	135.125.000.000	135.125.000.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.511.599.856	-	-	3.165.033.873	20.829.275.695
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	1.511.599.856	1.511.599.856
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.125.722.704)	(13.759.928.300)	(13.759.928.300)
Biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(3.178.061.592)	2.740.334.203	(101.576.716)	(4.227.299.420)
								(3.608.890.721)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	651.542.050.000	-	(6.210.000)	4.426.769.883	26.864.474.939	189.435.739.869	314.921.713.305	1.187.184.537.996
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016</b>	684.118.840.000	-	(8.560.000)	6.010.395.862	26.846.146.872	262.447.312.267	327.318.885.882	1.306.733.020.883
Góp vốn	6.515.400.000	(33.000.000)	-	-	-	-	17.395.300.000	23.877.700.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(4.331.527.432)	10.344.295.019	6.012.767.587
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	410.786.129	-	-	-	410.786.129
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(9.801.265.000)	(9.801.265.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(230.000.000)	-	-	-	-	(230.000.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	3.493.310.115	(3.493.310.115)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.209.881.859)	(106.533.550)	(2.316.415.409)
Biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(153.524.271)	(147.075.180)	(300.599.451)
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	248.382.989.443	248.382.989.443
Chênh lệch phát sinh khi Công ty tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con nhưng không thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty con	-	-	-	-	56.045.131	(9.115.623.954)	(33.840.421.177)	(42.900.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>	690.634.240.000	(33.000.000)	(238.560.000)	6.421.181.991	30.395.502.118	243.143.444.636	559.546.175.437	1.529.868.984.182

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	69.063.424	690.634.240.000	68.411.884	684.118.840.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	69.063.424	690.634.240.000	68.411.884	684.118.840.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(23.856)	(238.560.000)	(856)	(8.560.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	69.039.568	690.395.680.000	68.411.028	684.110.280.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần của Công ty trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	30/6/2016		31/12/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	68.411.028	684.110.280.000	65.153.584	651.535.840.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ/năm	651.540	6.515.400.000	3.257.679	32.576.790.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ/năm	(23.000)	(230.000.000)	(235)	(2.350.000)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>69.039.568</b>	<b>690.395.680.000</b>	<b>68.411.028</b>	<b>684.110.280.000</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

**32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.195.983	48.103.382.436	1.033.780	23.208.357.633
LAK	51.566.479	139.642.025	1.210.957.742	3.054.774.623
		48.243.024.461		26.263.132.256

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	362.906.225.854	290.182.775.032
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.174.240.106.856	249.712.765.950
	1.537.146.332.710	539.895.540.982



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần của Tập đoàn bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng doanh thu:		
▪ Doanh thu kinh doanh bất động sản	51.070.763.547	1.043.399.091
▪ Doanh thu hợp đồng xây dựng	203.615.513.348	206.494.699.113
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.430.738.544	8.982.498.337
▪ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	31.859.359.876	28.197.962.728
▪ Doanh thu từ thủy điện	71.655.996.137	-
▪ Doanh thu khác	189.000.000	1.571.435.415
	<hr/>	<hr/>
	372.821.371.452	246.289.994.684
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu:		
▪ Giảm giá hàng bán	(273.457.404)	(2.278.950.181)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	372.547.914.048	244.011.044.503

**34. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hoạt động kinh doanh bất động sản	36.981.784.337	860.980.909
▪ Hoạt động xây dựng	201.098.237.832	185.832.898.212
▪ Cung cấp dịch vụ	13.950.245.095	12.666.911.424
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	10.200.342.314	5.454.069.972
▪ Thủy điện	21.128.864.988	-
▪ Khác	179.550.000	1.091.279.864
	<hr/>	<hr/>
	283.539.024.566	205.906.140.381

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	7.291.217.324	5.245.529.144
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.000	293.505.114
	<u>7.291.229.324</u>	<u>5.539.034.258</u>

**36. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	53.882.406.950	2.383.875.891
Chi phí tài chính khác	652.420.405	788.256
	<u>54.534.827.355</u>	<u>2.384.664.147</u>

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.121.138.848	24.091.840.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.455.588.566	2.785.883.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.237.974.349	3.170.952.977
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.324.382.378	6.182.957.720
	<u>39.139.084.141</u>	<u>36.231.635.415</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	135.667.323.876	191.278.319.735
Chi phí nhân viên	136.007.304.621	100.826.006.176
Chi phí khấu hao	38.816.012.924	15.755.176.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.283.525.959	194.326.879.337
Chi phí khác	1.080.931.757.562	22.864.865.446

**39. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	5.083.676.231	3.168.264.820
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.811.403	656.161.690
	<hr/>	<hr/>
	5.085.487.634	3.824.426.510
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(4.718.266.130)	(247.083.005)
	<hr/>	<hr/>
	367.221.504	3.577.343.505

30 / CC CH A K U L



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.379.989.091	24.406.619.200
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.275.997.818	5.369.456.224
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn	2.386.670.578	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con (*)	(3.055.326.748)	(5.108.758)
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận	-	219.561.157
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	2.169.514.846	530.125.812
Chi phí không được khấu trừ thuế	786.298.849	1.107.192.320
Thu nhập không bị tính thuế	(1.532.389.670)	(4.300.044.940)
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(261.923.678)	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.811.403	656.161.690
Miễn giảm thuế	(1.403.431.894)	-
	367.221.504	3.577.343.505

**(c) Thuế suất áp dụng**

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

(\*) Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con phản ánh ảnh hưởng của việc tính thuế thu nhập theo mức thuế suất 10% trên lợi nhuận tính thuế tại Công ty CP Za Hưng, theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty CP Za Hưng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế của Nhà máy thủy điện Za Hưng trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty CP Za Hưng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên của Nhà máy thủy điện Za Hưng có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**(i) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 Cổ phiếu	30/6/2015 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	68.411.028	65.153.584
Phát hành thêm cổ phiếu cho nhân viên ngày 11 tháng 4 năm 2016 (*)	289.971	-
Mua lại cổ phiếu quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(126)	-
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ</b>	<b>68.700.873</b>	<b>65.153.584</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty đã phát hành thêm 651.540 cổ phiếu cho nhân viên với giá bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Việc phát hành cổ phiếu bằng mệnh giá, thay vì theo giá thị trường, dẫn đến sự thay đổi nguồn vốn có yếu tố thường. Theo đó, Công ty sẽ phải điều chỉnh số lượng cổ phiếu đang lưu hành để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, do số lượng cổ phiếu là không đáng kể, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu cho mục đích tính lãi trên cổ phiếu chưa được điều chỉnh do ảnh hưởng của việc phát hành này.

**(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông trong kỳ (VND)	(4.331.527.432)	17.664.241.822
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	68.700.873	65.153.584
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(63)</b>	<b>271</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2016. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Hà Đô – Công ty liên kết</b> Bán hàng hóa và dịch vụ	270.000.000	540.000.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và</b> <b>Ban Kiểm soát</b> Tiền lương, thưởng và phụ cấp	2.525.865.940	4.328.646.463

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Vũ Thị Dung  
Kế toán viên

Người duyệt:

Phạm Hồng Hiếu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thông  
Tổng Giám đốc

